

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2019/DS-ST.

Ngày: 28-01-2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước.

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 2067/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 459/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Tên viết tắt: VBank) (Có mặt).

Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc Trung, sinh năm 1995,

Ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1995.

(Văn bản ủy quyền số 23647/2018/UQ-VPB ngày 04/09/2018).

2. Bị đơn: Ông **N.X.T**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: 227 Lô 8, cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **D.T.H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 227 Lô 8, cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Phạm Ngọc Trung trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phê duyệt hai hợp đồng tín dụng cho ông N.X.T vay cụ thể như sau:

1/ Theo Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 26/09/2014, hai bên thoả thuận: VBank cho ông N.X.T vay tiêu dùng (mua xe máy) số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất 30%/năm, thời hạn vay là 36 tháng, hình thức thanh toán là trả hàng tháng với số tiền là 1.707.786 đồng theo lịch trả nợ. Thực hiện đúng thoả thuận hợp đồng, ngày 15/10/2014, VBank đã giải ngân tiền vay cho ông N.X.T là 39.133.659 đồng và tiền mua bảo hiểm tín dụng cá nhân của ông T tại Công ty TNHH Bảo hiểm Prévoir là 866.341 đồng. Ông T đã trả tổng cộng 10.830.294 đồng. Đến ngày 26/10/2018, ông T còn thiếu tổng cộng là 94.927.959 đồng, trong đó nợ gốc là 33.161.351 đồng, tiền lãi 61.766.608 đồng.

2/ Theo Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 05/01/2015, hai bên thoả thuận: VBank cho ông T vay mua xe và sửa nhà số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 30%/năm, thời hạn vay là 48 tháng, hình thức thanh toán là trả hàng tháng với số tiền là 1.087.273 đồng theo lịch trả nợ. Thực hiện hợp đồng, ngày 15/01/2015, VBank đã giải ngân số tiền vay cho ông N.X.T là 29.104.206 đồng và tiền mua bảo hiểm tín dụng cá nhân của ông T tại Công ty TNHH Bảo hiểm Prévoir là 895.794 đồng. Ông T đã trả tổng cộng là 5.070.412 đồng. Đến ngày 26/10/2018, ông T còn thiếu tổng cộng là 75.449.031 đồng, trong đó tiền gốc 26.687.727 đồng và tiền lãi 48.761.304 đồng.

VBank đề nghị bà D.T.H phải có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả các khoản nợ nói trên của hai hợp đồng tín dụng vì đây là những khoản vay để phục vụ cho sinh hoạt gia đình.

Vì vậy, VBank khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo hai hợp đồng nêu trên trên bao gồm tiền gốc là 59.849.078 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 26/10/2018 là 110.527.912 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

** Bị đơn ông N.X.T trình bày:*

Ông có ký hợp đồng vay tiền của VBank cụ thể như sau:

1/ Theo Hợp đồng tín dụng số 2019533 được phê duyệt ngày 26/09/2014, VBank cho ông vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 30%/năm, thời hạn vay là 36 tháng, hình thức thanh toán là trả hàng tháng với số tiền là 1.707.786 đồng theo lịch trả nợ. Ngày 15/10/2014, ông đã nhận số tiền vay mà VBank giải ngân là 39.133.659 đồng, số tiền còn lại là mua bảo hiểm nhưng VBank không đưa cho ông giấy chứng nhận bảo hiểm. Mục đích vay là mua xe máy nhưng thực tế là để tiêu dùng cho gia đình.

2/ Theo Hợp đồng tín dụng số 2614654 được phê duyệt ngày 05/01/2015, VBank cho ông vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 30%/năm, thời hạn vay là 48 tháng, hình thức thanh toán là trả hàng tháng với số tiền là 1.087.273 đồng theo lịch trả nợ. Ngày 15/01/2015, ông đã nhận số tiền vay mà VBank giải ngân là 29.104.206 đồng, số tiền còn lại là mua bảo hiểm nhưng VBank không đưa cho ông giấy chứng nhận bảo hiểm. Mục đích vay là để mua xe và sửa nhà nhưng thực tế là mua đồ gia dụng của gia đình.

Đến nay, tổng số tiền ông đã thanh toán cho VBank là 14.986.025 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông không nhận được bất kỳ thông báo chuyển nợ quá hạn hoặc thông báo thu hồi nợ trước hạn từ VBank.

Đối với số tiền còn thiếu VBank, ông đề nghị được trả dần hàng tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ông đồng ý thực hiện trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng nhưng đề nghị Tòa án tính lại số tiền lãi hàng tháng phải trả của lịch trả nợ, số tiền thực nhận và số tiền còn thiếu đến thời điểm hiện tại vì cách tính theo lịch trả nợ là không đúng ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D.T.H:*

Bà D.T.H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/02/2018, 19/10/2018, 26/10/2018 nhưng bà T.H không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T.H.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông N.X.T cư trú tại quận Bình Thạnh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với ông N.X.T và bà D.T.H, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến tiền lãi quá hạn không phù hợp điểm a khoản 2 Điều 9 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông N.X.T cư trú tại quận Bình Thạnh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tư cách pháp lý của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Xét mục đích cho vay tại hai hợp đồng tín dụng số 2019533 và 2614654 là mua xe và sửa nhà với số tiền yêu cầu vay tổng cộng là 70.000.000 đồng và sự thừa nhận của ông T vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, áp dụng Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình và Giấy chứng nhận kết hôn số 74 quyển số 01 ngày 06/8/2007 của Ủy ban nhân dân

phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cấp cho ông N.X.T và bà D.T.H, đề nghị của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới trả nợ của vợ chồng ông T là có cơ sở chấp nhận: Bà D.T.H là vợ của ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng ông T trong việc trả khoản nợ phát sinh từ hai hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 26/9/2014 và 2614654 ngày 05/01/2015. Do đó, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà D.T.H nên Toà án đã tiến hành triệu tập bà T.H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D.T.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà T.H vẫn vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.H.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông N.X.T và bà D.T.H cùng liên đới thanh toán ngay làm một lần số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015 tổng cộng tạm tính đến ngày 28/01/2019 là 166.018.957 đồng, trong đó tiền gốc lần lượt là 28.211.351 đồng và 19.687.727 đồng tiền lãi tạm tính đến 28/01/2019 lần lượt là 65.820.610 đồng và 52.299.269 đồng, và yêu cầu ông T tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29/01/2019 theo lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng do ông N.X.T lập ngày 26/9/2014 và ngày 05/01/2015 và thông báo cho vay của VBank, hai bên thoả thuận:

1/ Tại Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014, VBank cho ông T vay 40.000.000 đồng (đã bao gồm phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 866.341 đồng), ông T có nghĩa vụ thanh toán vào ngày 15 hàng tháng 1.707.786 đồng, bắt đầu trả từ ngày 15/11/2014, lãi suất vay trong hạn là 30%/năm, thời hạn vay 36 tháng.

2/ Tại Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015, VBank cho ông T vay 30.000.000 đồng (đã bao gồm phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 895.794 đồng), ông T có nghĩa vụ thanh toán vào ngày 15 hàng tháng là 1.087.273 đồng, bắt đầu trả từ ngày 15/02/2015, lãi suất vay trong hạn là 30/năm, thời hạn vay 48 tháng.

Thực hiện hợp đồng đã cam kết, VPBank đã lần lượt chuyển cho ông N.X.T vào tài khoản số 59583794 mở tại VBank số tiền vay 40.000.000 đồng ngày 15/10/2014 và 30.000.000 đồng ngày 15/01/2015, trong đó đã bao gồm thấu trừ tiền phí bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân là 866.341 đồng và 895.794 đồng có xác nhận của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Mirae Asset Prévoir tại Văn bản số 255/2018-HCM/LG-OC ngày 09/11/2018. Tại phiên tòa, bị đơn ông N.X.T thừa nhận có vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T phải thực hiện việc trả số tiền còn thiếu. Đồng thời, tại phiên tòa, bị đơn không xác định được số tiền còn thiếu của hai hợp đồng tín dụng nên đề nghị xem xét hợp đồng và tính lại số tiền còn thiếu theo quy định của pháp luật.

Xét khoản 3 Điều 9 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ kèm theo hợp đồng tín dụng quy định *khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả, số tiền phạt chậm trả được tính theo công thức: {số tiền lãi chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn : 30 (nếu lãi suất tính theo tháng), 360 (nếu lãi suất tính theo năm)}*, nên xác định thỏa thuận của VBank và ông N.X.T về tiền phạt chậm trả được tính trên số tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Ấn lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 (công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao) về việc *khách hàng vay ngoài phải trả khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì kể*

từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Do đó, thoả thuận về tiền phạt chậm trả được tính theo công thức tiền lãi trên tiền lãi là vô hiệu nên các bên không phải thực hiện các thoả thuận liên quan đến tiền phạt chậm trả. Chính vì thế, bị đơn ông N.X.T, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn và phí phải thanh toán cho VBank theo hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Tại các bản khai, các buổi hoà giải và tại phiên toà, VBank đề nghị tính tiền lãi quá hạn theo lãi suất quá hạn từ ngày 25/02/2015 trên tổng dư nợ theo thoả thuận tại Điều 8 và Điều 9 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, và VBank đã cung cấp Phiếu gửi bưu điện số 469424670 (Sử dụng dịch vụ của Viettel), Thông báo ngày 17/02/2015 về việc chuyển nợ quá hạn và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Thông báo ngày 22/11/2016 về việc khởi kiện khách hàng N.X.T mà trong nội dung hai thông báo này có thể hiện thời hạn phải trả nợ trước hạn của tất cả khoản vay còn thiếu lần lượt là 25/02/2015 và 29/11/2016. Xét tại Phiếu gửi bưu điện số 469424670 theo dịch vụ của Viettel, mục 3 để trống không thể hiện nội dung mà VBank gửi, không có xác nhận của nhân viên chấp nhận, dấu ngày bưu cục nhận tại mục 12, và ngày giờ nhận tại mục 13, ngày giờ giao tại mục 14 để trống, nên căn cứ khoản 2 Điều 8 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, không đủ cơ sở chứng minh VBank đã gửi văn bản thông báo cho bị đơn ông T yêu cầu trả nợ trước hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tính tiền lãi quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo lãi suất quá hạn từ ngày 26/02/2015, việc tính tiền lãi quá hạn cần căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 9 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ kèm theo hợp đồng tín dụng.

Từ những nhận định trên về tiền phạt chậm trả và yêu cầu tính lãi quá hạn, cần tính lại toàn bộ số tiền mà ông N.X.T đã thanh toán cho VBank để xác định số tiền còn thiếu đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Căn cứ Điều 9 Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001, Điều 17 Thông tư số 38/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và thỏa thuận tại khoản 4 Điều 2 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày sao cho số tiền hàng tháng phải trả theo hợp đồng với cách thức tiền gốc phải trả tăng dần và tiền lãi giảm dần cho đến hết ở kỳ cuối. Hai lịch trả nợ kèm theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên do VBank cung cấp đã tính phù hợp với cách tính mà hai bên thỏa thuận. Do đó, tổng số tiền lãi mà ông T phải thanh toán là 21.480.307 đồng trên số vay gốc 40.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014 (hạn chót trả nợ 15/10/2017) và 22.190.636 đồng trên số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015 (hết hạn trả nợ ngày 15/01/2019).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán 07 đợt là 15.858.853 đồng của Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014 và 03 đợt là 11.099.505 đồng của Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015. Số tiền lãi và tiền gốc còn thiếu lần lượt được tính theo thỏa thuận tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 9 Phần B của Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ: *"2.Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi khách hàng thanh toán hết nợ gốc quá hạn, cụ thể: a/ Trường hợp khách hàng chậm thanh toán nợ gốc và/hoặc lãi theo các kỳ trả nợ trong Lịch trả nợ và VBank không quyết định thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của khách hàng trước thời hạn, thì phần dư nợ gốc thực tế bị quá hạn phải chịu lãi suất quá hạn, phần dư nợ gốc chưa đến kỳ trả nợ vẫn chịu mức lãi suất cho vay trong hạn. b/ Trường hợp khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi khi kết thúc thời hạn vay nêu tại Thông báo cho vay, thì toàn bộ dư nợ gốc còn lại của khách hàng theo hợp đồng này phải chịu lãi suất quá hạn."* Do đó, khoản nợ gốc và tiền lãi của hai hợp đồng được tính như sau:

[4.1] Đối với Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014:

Ông T thanh toán ba kỳ đầu tiên vào các ngày 15/11/2014, 15/12/2014 và 15/01/2015 với tổng số tiền là 5.123.358 đồng, trong đó tiền gốc là 2.109.969 đồng và tiền lãi là 3.013.389 đồng, là đúng hạn hợp đồng.

Ông T thanh toán đợt 4 là ngày 24/02/2015 với số tiền là 1.600.495 đồng là vi phạm thỏa thuận thanh toán kỳ 4 là ngày 15/02/2015 nên phải chịu tiền lãi quá hạn cho phần dư nợ gốc đến hạn là: $728.593 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\%$:

$360 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 8.201 \text{ đồng}$. Tiền lãi trong hạn và quá hạn đã được thanh toán là $978.833 \text{ đồng} + 8.201 \text{ đồng} = 987.034 \text{ đồng}$. Tiền gốc của kỳ 4 đã được thanh toán là: $1.600.495 \text{ đồng} - 987.034 \text{ đồng} = 613.461 \text{ đồng}$ nên tiền gốc của kỳ 4 chưa thanh toán là $728.953 \text{ đồng} - 613.461 \text{ đồng} = 115.492 \text{ đồng}$.

Ngày 05/3/2015, ông T thanh toán tiếp số tiền là 135.000 đồng và nguyên đơn đồng ý ưu tiên thanh toán cho số tiền gốc là 125.644 đồng nên số tiền này được trừ vào tiền gốc còn thiếu của kỳ 4 là 115.492 đồng và một phần tiền gốc của kỳ 5 đã thanh toán là $125.644 \text{ đồng} - 115.492 \text{ đồng} = 10.152 \text{ đồng}$ nên còn để thanh toán tiền lãi là 9.356 đồng. Tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 24/02/2015 đến ngày 05/3/2015 là: $115.492 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 129.929 \text{ đồng}$, chưa được thanh toán $129.929 \text{ đồng} - 9.356 \text{ đồng} = 120.573 \text{ đồng}$.

Ngày 21/9/2018, ông T thanh toán số tiền là 4.000.000 đồng và nguyên đơn đồng ý ưu tiên thanh toán cho tiền gốc 4.000.000 đồng nên tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn được tính như sau:

- Kỳ 5 (hạn thanh toán 15/03/2015): Tiền lãi trong hạn là 867.098 đồng, tiền gốc đến hạn chưa thanh toán là $840.688 \text{ đồng} - 10.152 \text{ đồng} = 830.536 \text{ đồng}$ phải chịu lãi suất quá hạn là $830.536 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.286 \text{ ngày} = 1.355.087 \text{ đồng}$.

- Kỳ 6 (hạn thanh toán 15/4/2015): Tiền lãi trong hạn là 938.284 đồng, tiền gốc 769.502 đồng, tiền lãi quá hạn là $769.502 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.255 \text{ ngày} = 1.207.157 \text{ đồng}$;

- Kỳ 7: Tiền lãi trong hạn là 888.779 đồng, tiền gốc là 819.007 đồng, tiền lãi quá hạn là $819.007 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.225 \text{ ngày} = 1.254.104 \text{ đồng}$;

- Kỳ 8: Tiền lãi trong hạn là 897.247 đồng, tiền gốc 810.539 đồng, tiền lãi quá hạn $810.539 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.194 \text{ ngày} = 1.209.729 \text{ đồng}$;

- Kỳ 9: Tiền lãi trong hạn 848.040 đồng, tiền gốc 859.746 đồng, tiền lãi quá hạn là $859.746 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.164 \text{ ngày} = 1.250.093 \text{ đồng}$;

- Kỳ 10: Tiền lãi trong hạn là 864.098 đồng, tiền gốc là 853.688 đồng, tiền lãi quá hạn $853.688 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.133 \text{ ngày} = 1.209.035 \text{ ngày}$;

- Kỳ 11: Tiền lãi trong hạn là 832.045 đồng, tiền gốc là 875.741 đồng, tiền lãi quá hạn $875.741 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.102 \text{ ngày} = 1.206.334 \text{ đồng}$;

- Kỳ 12: Tiền lãi trong hạn 783.311 đồng, tiền gốc là 924.475 đồng, tiền lãi quá hạn là $924.475 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.072 \text{ ngày} = 1.238.796 \text{ đồng}$;

- Kỳ 13: Tiền lãi trong hạn 785.539 đồng, tiền gốc là 922.247 đồng, tiền lãi quá hạn là $922.247 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.041 \text{ ngày} = 1.200.074 \text{ đồng}$;

- Kỳ 14: Tiền lãi trong hạn 737.143 đồng, tiền gốc là 970.643 đồng, tiền lãi quá hạn $970.643 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.011 \text{ ngày} = 1.226.650 \text{ đồng}$;

- Kỳ 15: Tiền lãi trong hạn là 736.639 đồng, tiền gốc là 971.147 đồng, tiền lãi quá hạn $971.147 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 980 \text{ ngày} = 1.189.655 \text{ đồng}$.

- Kỳ 16: Tiền lãi trong hạn là 711.551 đồng, tiền gốc là 996.235 đồng, tiền lãi quá hạn là $996.235 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 949 \text{ ngày} = 1.181.783 \text{ đồng}$;

- Kỳ 17: Tiền lãi trong hạn là 641.569 đồng, tiền gốc là 1.066.217 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.066.217 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 920 \text{ ngày} = 1.226.149 \text{ đồng}$;

- Kỳ 18: Tiền lãi trong hạn là 658.272 đồng, tiền gốc là 1.049.514 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.049.514 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 889 \text{ ngày} = 1.166.273 \text{ đồng}$;

- Kỳ 19: Tiền lãi trong hạn là 610.799 đồng, tiền gốc là 1.096.987 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.096.987 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 859 \text{ ngày} = 1.177.890 \text{ đồng}$;

- Kỳ 20: Tiền lãi trong hạn là 602.799 đồng, tiền gốc là 1.104.966 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.104.966 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 828 \text{ ngày} = 1.143.640 \text{ đồng}$;

- Kỳ 21: Tiền lãi trong hạn là 555.750 đồng, tiền gốc là 1.152.036 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.152.036 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 798 \text{ ngày} = 1.149.156 \text{ đồng}$;

- Kỳ 22: Tiền lãi trong hạn là 544.514 đồng, tiền gốc là 1.163.272 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.163.272 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 767 \text{ ngày} = 1.115.287 \text{ đồng}$;

- Kỳ 23: Tiền lãi trong hạn là 514.463 đồng, tiền gốc là 1.193.323 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.193.323 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 736 \text{ ngày} = 1.097.857 \text{ đồng}$;

- Kỳ 24: Tiền lãi trong hạn là 468.035 đồng, tiền gốc là 1.239.751 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.239.751 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 706 \text{ ngày} = 1.094.081 \text{ đồng}$;

- Kỳ 25: Tiền lãi trong hạn là 451.609 đồng, tiền gốc là 1.256.177 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.256.177 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 675 \text{ ngày} = 1.059.900 \text{ đồng}$;

- Kỳ 26: Tiền lãi trong hạn là 405.636 đồng, tiền gốc là 1.302.150 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.302.150 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 645 \text{ ngày} = 1.049.858 \text{ đồng}$;

- Kỳ 27: Tiền lãi trong hạn là 385.519 đồng, tiền gốc là 1.322.267 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.322.267 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 614 \text{ ngày} = 1.014.840 \text{ đồng}$;

- Kỳ 28: Tiền lãi trong hạn là 351.360 đồng, tiền gốc là 1.356.426 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.356.426 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 583 \text{ ngày} = 988.495 \text{ đồng}$;

- Kỳ 29: Tiền lãi trong hạn là 285.708 đồng, tiền gốc là 1.422.078 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.422.078 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 555 \text{ ngày} = 986.567 \text{ đồng}$;

- Kỳ 30: Tiền lãi trong hạn là 279.582 đồng, tiền gốc là 1.428.204 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.428.204 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 524 \text{ ngày} = 935.474 \text{ đồng}$;

- Kỳ 31: Tiền lãi trong hạn là 234.858 đồng, tiền gốc là 1.472.928 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.472.928 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 494 \text{ ngày} = 909.533 \text{ đồng}$;

- Kỳ 32: Tiền lãi trong hạn là 204.636 đồng, tiền gốc là 1.503.150 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.503.150 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 463 \text{ ngày} = 869.948 \text{ đồng}$;

- Kỳ 33: Tiền lãi trong hạn là 160.456 đồng, tiền gốc là 1.547.330 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.547.330 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 433 \text{ ngày} = 837.492 \text{ đồng}$;

- Kỳ 34: Tiền lãi trong hạn là 125.832 đồng, tiền gốc là 1.581.954 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.581.954 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 402 \text{ ngày} = 794.932 \text{ đồng}$;

- Kỳ 35: Tiền lãi trong hạn là 84.965 đồng, tiền gốc là 1.622.821 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.622.821 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 371 \text{ ngày} = 752.583 \text{ đồng}$;

- Kỳ 36: Tiền lãi trong hạn là 41.654 đồng, tiền gốc là 1.666.144 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.666.144 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 341 \text{ ngày} = 710.194 \text{ đồng}$.

Vậy, sau khi thanh toán ngày 21/9/2018, ông T còn thiếu số tiền gốc là $37.151.199 \text{ đồng} - 4.000.000 \text{ đồng} = 33.151.199 \text{ đồng}$, tiền lãi trong hạn là 17.487.812 đồng, tiền lãi quá hạn là 34.910.054 đồng.

Ngày 19/12/2018, ông T thanh toán tiếp số tiền là 5.000.000 đồng, và nguyên đơn đồng ý tính trừ vào tiền gốc là 4.950.000 đồng và tiền lãi là 50.000 đồng. Tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh là $33.151.199 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 89 \text{ ngày} = 3.688.071 \text{ đồng}$. Do đó, sau khi thanh toán, ông T còn thiếu VBank tiền gốc là $33.151.199 \text{ đồng} - 4.950.000 \text{ đồng} = 28.201.199 \text{ đồng}$, tiền lãi còn thiếu là $17.487.812 \text{ đồng} + 34.910.054 \text{ đồng} + 3.688.071 \text{ đồng} - 50.000 \text{ đồng} = 56.035.937 \text{ đồng}$.

Đến ngày xét xử sơ thẩm, tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu là $28.201.199 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 40 \text{ ngày} = 1.410.060 \text{ đồng}$ nên số tiền lãi mà bị đơn còn thiếu là $56.035.937 \text{ đồng} + 1.410.060 \text{ đồng} = 57.445.997 \text{ đồng}$.

[4.2] Đối với Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015:

Ông T thanh toán ngày 24/02/2015 số tiền là 1.099.505 đồng là vi phạm thời hạn thanh toán kỳ đầu tiên ngày 15/02/2015 nên ông T phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng là $312.273 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 3.513 \text{ đồng}$ nên tổng tiền lãi trong hạn và quá hạn là $775.000 \text{ đồng} + 3.513 \text{ đồng} = 778.513 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi và tiền gốc phải trả của kỳ 1 là $312.273 \text{ đồng} + 778.513 \text{ đồng} = 1.090.786 \text{ đồng}$ nên số tiền thanh toán còn lại là $1.099.505 \text{ đồng} - 1.090.786 \text{ đồng} = 8.719 \text{ đồng}$ chuyển sang

thanh toán tiền lãi trong hạn của kỳ 2. Tiền lãi trong hạn của kỳ 2 chưa thanh toán là 692.714 đồng – 8.719 đồng = 683.995 đồng.

Đến ngày 25/8/2018, ông T mới tiếp tục thanh toán số tiền là 3.000.000 đồng nên ngoài tiền lãi trong hạn, tiền gốc đến hạn chưa thanh toán phát sinh tiền lãi quá hạn bắt đầu từ kỳ 2 đến kỳ 43 với cách tính tương tự như đã nêu, cụ thể như sau:

- Kỳ 2: Tiền lãi trong hạn là 692.714 đồng, tiền gốc là 394.559 đồng, tiền lãi quá hạn là $394.559 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.259 \text{ ngày} = 620.938 \text{ đồng};$

- Kỳ 3: Tiền lãi trong hạn là 756.740 đồng, tiền gốc là 330.533 đồng, tiền lãi quá hạn là $330.533 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.228 \text{ ngày} = 507.368 \text{ đồng};$

- Kỳ 4: Tiền lãi trong hạn là 724.066 đồng, tiền gốc là 363.207 đồng, tiền lãi quá hạn là $363.207 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.198 \text{ ngày} = 543.903 \text{ đồng};$

- Kỳ 5: Tiền lãi trong hạn là 738.819 đồng, tiền gốc là 348.454 đồng, tiền lãi quá hạn là $348.454 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.167 \text{ ngày} = 508.308 \text{ đồng};$

- Kỳ 6: Tiền lãi trong hạn là 706.274 đồng, tiền gốc là 380.999 đồng, tiền lãi quá hạn là $380.999 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.137 \text{ ngày} = 541.494 \text{ đồng};$

- Kỳ 7: Tiền lãi trong hạn là 719.974 đồng, tiền gốc là 367.299 đồng, tiền lãi quá hạn là $367.299 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.106 \text{ ngày} = 507.790 \text{ đồng};$

- Kỳ 8: Tiền lãi trong hạn là 710.486 đồng, tiền gốc là 376.787 đồng, tiền lãi quá hạn là $376.787 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.075 \text{ ngày} = 506.308 \text{ đồng};$

- Kỳ 9: Tiền lãi trong hạn là 678.147 đồng, tiền gốc là 409.126 đồng, tiền lãi quá hạn là $409.126 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.045 \text{ ngày} = 534.421 \text{ đồng};$

- Kỳ 10: Tiền lãi trong hạn là 690.183 đồng, tiền gốc là 397.090 đồng, tiền lãi quá hạn là $397.090 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 1.014 \text{ ngày} = 503.312 \text{ đồng};$

- Kỳ 11: Tiền lãi trong hạn là 657.992 đồng, tiền gốc là 429.281 đồng, tiền lãi quá hạn là $429.281 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 984 \text{ ngày} = 528.016 \text{ đồng}$;
- Kỳ 12: Tiền lãi trong hạn là 668.835 đồng, tiền gốc là 418.438 đồng, tiền lãi quá hạn là $418.438 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 953 \text{ ngày} = 498.464 \text{ đồng}$;
- Kỳ 13: Tiền lãi trong hạn là 658.025 đồng, tiền gốc là 429.248 đồng, tiền lãi quá hạn là $429.248 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 922 \text{ ngày} = 494.708 \text{ đồng}$;
- Kỳ 14: Tiền lãi trong hạn là 605.199 đồng, tiền gốc là 482.074 đồng, tiền lãi quá hạn là $482.074 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 893 \text{ ngày} = 538.115 \text{ đồng}$;
- Kỳ 15: Tiền lãi trong hạn là 634.483 đồng, tiền gốc là 452.790 đồng, tiền lãi quá hạn là $452.790 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 862 \text{ ngày} = 487.881 \text{ đồng}$;
- Kỳ 16: Tiền lãi trong hạn là 602.696 đồng, tiền gốc là 484.577 đồng, tiền lãi quá hạn là $484.577 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 832 \text{ ngày} = 503.960 \text{ đồng}$;
- Kỳ 17: Tiền lãi trong hạn là 610.268 đồng, tiền gốc là 477.005 đồng, tiền lãi quá hạn là $477.005 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 801 \text{ ngày} = 477.602 \text{ đồng}$;
- Kỳ 18: Tiền lãi trong hạn là 578.656 đồng, tiền gốc là 508.617 đồng, tiền lãi quá hạn là $508.617 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 771 \text{ ngày} = 490.179 \text{ đồng}$;
- Kỳ 19: Tiền lãi trong hạn là 584.806 đồng, tiền gốc là 502.467 đồng, tiền lãi quá hạn là $502.467 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 740 \text{ ngày} = 464.782 \text{ đồng}$;
- Kỳ 20: Tiền lãi trong hạn là 571.825 đồng, tiền gốc là 515.448 đồng, tiền lãi quá hạn là $515.448 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 709 \text{ ngày} = 456.815 \text{ đồng}$;
- Kỳ 21: Tiền lãi trong hạn là 540.493 đồng, tiền gốc là 546.780 đồng, tiền lãi quá hạn là $546.780 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 679 \text{ ngày} = 464.079 \text{ đồng}$;
- Kỳ 22: Tiền lãi trong hạn là 544.385 đồng, tiền gốc là 542.888 đồng, tiền lãi quá hạn là $542.888 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 648 \text{ ngày} = 439.740 \text{ đồng}$;

- Kỳ 23: Tiền lãi trong hạn là 513.252 đồng, tiền gốc là 574.021 đồng, tiền lãi quá hạn là $574.021 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 618 \text{ ngày} = 443.432 \text{ đồng}$;
- Kỳ 24: Tiền lãi trong hạn là 515.531 đồng, tiền gốc là 571.742 đồng, tiền lãi quá hạn là $571.742 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 587 \text{ ngày} = 419.516 \text{ đồng}$;
- Kỳ 25: Tiền lãi trong hạn là 500.761 đồng, tiền gốc là 586.512 đồng, tiền lãi quá hạn là $586.512 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 556 \text{ ngày} = 407.626 \text{ đồng}$;
- Kỳ 26: Tiền lãi trong hạn là 438.615 đồng, tiền gốc là 648.658 đồng, tiền lãi quá hạn là $648.658 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 528 \text{ ngày} = 428.114 \text{ đồng}$;
- Kỳ 27: Tiền lãi trong hạn là 468.852 đồng, tiền gốc là 618.421 đồng, tiền lãi quá hạn là $618.421 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 497 \text{ ngày} = 384.194 \text{ đồng}$;
- Kỳ 28: Tiền lãi trong hạn là 438.268 đồng, tiền gốc là 649.005 đồng, tiền lãi quá hạn là $649.005 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 467 \text{ ngày} = 378.857 \text{ đồng}$;
- Kỳ 29: Tiền lãi trong hạn là 436.111 đồng, tiền gốc là 651.162 đồng, tiền lãi quá hạn là $651.162 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 436 \text{ ngày} = 354.884 \text{ đồng}$;
- Kỳ 30: Tiền lãi trong hạn là 405.763 đồng, tiền gốc là 681.510 đồng, tiền lãi quá hạn là $681.510 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 406 \text{ ngày} = 345.866 \text{ đồng}$;
- Kỳ 31: Tiền lãi trong hạn là 401.683 đồng, tiền gốc là 685.590 đồng, tiền lãi quá hạn là $685.590 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 375 \text{ ngày} = 321.370 \text{ đồng}$;
- Kỳ 32: Tiền lãi trong hạn là 383.972 đồng, tiền gốc là 703.301 đồng, tiền lãi quá hạn là $703.301 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 344 \text{ ngày} = 302.419 \text{ đồng}$;
- Kỳ 33: Tiền lãi trong hạn là 354.003 đồng, tiền gốc là 733.270 đồng, tiền lãi quá hạn là $733.270 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 314 \text{ ngày} = 287.808 \text{ đồng}$;
- Kỳ 34: Tiền lãi trong hạn là 346.861 đồng, tiền gốc là 740.412 đồng, tiền lãi quá hạn là $740.412 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 283 \text{ ngày} = 261.921 \text{ đồng}$;

- Kỳ 35: Tiền lãi trong hạn là 317.161 đồng, tiền gốc là 770.112 đồng, tiền lãi quá hạn là $770.112 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 253 \text{ ngày} = 243.548 \text{ đồng}$;

- Kỳ 36: Tiền lãi trong hạn là 307.839 đồng, tiền gốc là 779.434 đồng, tiền lãi quá hạn là $779.434 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 222 \text{ ngày} = 216.293 \text{ đồng}$;

- Kỳ 37: Tiền lãi trong hạn là 287.704 đồng, tiền gốc là 799.569 đồng, tiền lãi quá hạn là $799.569 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 191 \text{ ngày} = 190.897 \text{ đồng}$;

- Kỳ 38: Tiền lãi trong hạn là 241.205 đồng, tiền gốc là 846.068 đồng, tiền lãi quá hạn là $846.068 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 163 \text{ ngày} = 172.386 \text{ đồng}$;

- Kỳ 39: Tiền lãi trong hạn là 245.191 đồng, tiền gốc là 842.082 đồng, tiền lãi quá hạn là $842.082 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 132 \text{ ngày} = 138.943 \text{ đồng}$;

- Kỳ 40: Tiền lãi trong hạn là 216.230 đồng, tiền gốc là 871.043 đồng, tiền lãi quá hạn là $871.043 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 102 \text{ ngày} = 111.058 \text{ đồng}$

- Kỳ 41: Tiền lãi trong hạn là 200.935 đồng, tiền gốc là 886.338 đồng, tiền lãi quá hạn là $886.338 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 71 \text{ ngày} = 78.662 \text{ đồng}$;

- Kỳ 42: Tiền lãi trong hạn là 172.295 đồng, tiền gốc là 914.978 đồng, tiền lãi quá hạn là $914.978 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 41 \text{ ngày} = 46.893 \text{ đồng}$;

- Kỳ 43: Tiền lãi trong hạn là 154.402 đồng, tiền gốc là 932.871 đồng, tiền lãi quá hạn là $932.871 \text{ đồng} \times 30\% \text{ năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 11.661 \text{ đồng}$;

Tổng tiền gốc đến hạn chưa thanh toán là 24.643.766 đồng, tiền lãi trong hạn là 21.012.981 đồng, tiền lãi quá hạn là 16.164.531 đồng. Nguyên đơn đồng ý ưu tiên tính trừ vào tiền gốc của số tiền mà ông T thanh toán ngày 25/8/2018 nên ông T còn thiếu số tiền gốc là $24.643.766 \text{ đồng} - 3.000.000 \text{ đồng} = 21.643.766 \text{ đồng}$, tiền lãi là $21.012.981 \text{ đồng} + 16.164.531 \text{ đồng} = 37.177.512 \text{ đồng}$.

Đến ngày 24/11/2018, ông T tiếp tục thanh toán số tiền là 7.000.000 đồng và nguyên đơn đồng ý ưu tiên tính trừ vào tiền gốc. Các khoản nợ đến ngày 24/11/2018 như sau:

- Tiền gốc đến hạn chưa thanh toán 21.643.766 đồng, tiền lãi chuyển chưa thanh toán là 37.177.512 đồng, tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 25/8/2018 đến ngày 24/11/2018 là $21.643.766 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 91 \text{ ngày} = 2.461.978 \text{ đồng}$;

- Kỳ 44: Tiền gốc chưa thanh toán là 956.971 đồng, tiền lãi trong hạn là 130.302 đồng, tiền lãi quá hạn là $956.971 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 70 \text{ ngày} = 83.735 \text{ đồng}$;

- Kỳ 45: Tiền gốc chưa thanh toán là 985.098 đồng, tiền lãi trong hạn là 102.175 đồng, tiền lãi quá hạn là $985.098 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 40 \text{ ngày} = 49.255 \text{ đồng}$;

- Kỳ 46: Tiền gốc chưa thanh toán là 1.007.141 đồng, tiền lãi trong hạn là 80.132 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.007.141 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 9 \text{ ngày} = 11.330 \text{ đồng}$.

Vậy sau khi thanh toán ngày 24/11/2018, ông T còn thiếu VBank là:

- + Tiền gốc là: $21.643.766 \text{ đồng} + 956.971 \text{ đồng} + 985.098 \text{ đồng} + 1.007.141 \text{ đồng} - 7.000.000 \text{ đồng} = 17.592.976 \text{ đồng}$.

- + Tiền lãi trong hạn và quá hạn là: $37.177.512 \text{ đồng} + 2.461.978 \text{ đồng} + 130.302 \text{ đồng} + 83.735 \text{ đồng} + 102.175 \text{ đồng} + 49.255 \text{ đồng} + 80.132 \text{ đồng} + 11.330 \text{ đồng} = 40.096.419 \text{ đồng}$.

Đến ngày xét xử sơ thẩm, bên bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền như sau:

- Tiền gốc là: $17.592.976 \text{ đồng} + 1.034.904 \text{ đồng (kỳ 47)} + 1.059.847 \text{ đồng (kỳ 48)} = 19.687.727 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi là:

- + Tiền lãi quá hạn phát sinh từ số tiền gốc 17.592.976 đồng từ ngày 24/11/2018 đến ngày 28/01/2019 là: $17.592.976 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 65 \text{ ngày} = 1.429.429 \text{ đồng}$;

- + Tiền lãi chuyển sang là 40.096.419 đồng;

- + Kỳ 47: Tiền lãi trong hạn là 52.369 đồng, tiền lãi quá hạn là $1.034.904 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 150\% : 360 \text{ ngày} \times 44 \text{ ngày} = 56.920 \text{ đồng}$;

+ Kỳ 48: Tiền lãi trong hạn là 27.379 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.059.847 đồng x 30%/năm * 150% : 360 ngày x 13 ngày = 17.223 đồng.

Tổng tiền lãi là: 40.096.419 đồng + 1.429.429 đồng + 52.369 đồng + 56.920 đồng + 27.379 đồng + 17.223 đồng = 41.679.739 đồng.

- Tiền phí duy trì tài khoản là 11.000 đồng.

Theo hai hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014 và số 2614654 ngày 15/01/2015, bên bị đơn còn thiếu nguyên đơn lần lượt là:

- Tiền gốc là: 28.201.199 đồng + 19.687.727 đồng = 47.888.926 đồng;
- Tiền lãi là: 57.445.997 đồng + 41.679.739 đồng = 99.125.736 đồng;
- Tiền phí duy trì tài khoản là 11.000 đồng.

Tổng cộng là 46.888.926 đồng + 99.125.736 đồng + 11.000 đồng = 146.025.662 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu hai mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận một phần khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu ông N.X.T và bà D.T.H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán ngay làm một lần số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015 tổng cộng là 146.025.662 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu hai mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 47.888.926 đồng, tiền lãi là 99.125.736 đồng (Chín mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi sáu đồng) và tiền phí là 11.000 đồng (Mười một ngàn đồng); không chấp nhận một phần khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu ông N.X.T và bà D.T.H trả số tiền là 166.018.957 đồng – 146.025.662 đồng = 19.993.295 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng).

[5] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Ông N.X.T và bà D.T.H có trách nhiệm liên đới chịu án phí sơ thẩm là 146.025.662 đồng x 5% = 7.301.283 đồng (Bảy triệu ba trăm lẻ một ngàn hai trăm tám mươi ba đồng);

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận là 19.993.295 đồng x 5% = 999.665 đồng

(Chín trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng). Hoàn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 3.500.000 đồng – 999.665 đồng = 2.500.335 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1. Ông N.X.T và bà D.T.H có trách nhiệm liên đới phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015 tổng cộng là 146.025.662 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu hai mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng), trong đó tiền gốc là 47.888.926 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm hai mươi sáu đồng), tiền lãi là 99.125.736 (Chín mươi chín triệu một trăm hai mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi sáu đồng) đồng và tiền phí là 11.000 đồng (Mười một ngàn đồng).

1.2. Ông N.X.T và bà D.T.H cùng có trách nhiệm liên đới tiếp tục phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất quá hạn thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày

15/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Không chấp nhận một phần khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông N.X.T và bà D.T.H trả tiền lãi quá hạn được tính trên toàn bộ tổng dư nợ theo lãi suất nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng số 2019533 ngày 15/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2614654 ngày 15/01/2015 là 19.993.295 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi ba ngàn hai trăm chín mươi lăm đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 7.301.283 đồng (Bảy triệu ba trăm lẻ một ngàn hai trăm tám mươi ba đồng) ông N.X.T và bà D.T.H cùng có nghĩa vụ liên đới phải chịu.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần khởi kiện không được chấp nhận là 999.665 đồng (Chín trăm chín mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng theo Biên lai tạm ứng số 0003157 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Hoàn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 2.500.335 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng) theo biên lai nói trên.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân